TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **224**/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh;

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 805/2023/TLST-DS ngày 10/7/2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2024/QĐXXST-DS ngày 20/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 912/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: Đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: tổ 26, khu phố 3, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2022.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1992.

Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: tổ 24, khu phố 4, phường B2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông Hùng có mặt; ông P, bà A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP C có đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn P cùng vợ Nguyễn Thị Thúy A và Ngân hàng TMCP C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký với nhau 02 hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 6%/năm, mục đích phục vụ nhu cầu đời sống gia đình, cụ thể:

+ Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053840 ngày 28/6/2022, số tiền 35.000.000đ.

+ Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053780 ngày 28/6/2022, số tiền 30.000.000đ.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 28/6/2022, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông P, bà A số tiền tổng cộng 65.000.000đ. Tính đến ngày 26/3/2022, ông P, bà A đã thanh toán cho Ngân hàng được 7.617.465đ tiền gốc và không tiếp tục thanh toán tiền lãi, tiền gốc cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P, bà A thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2024 là 62.592.799đ (trong đó nợ gốc là 57.382.535đ, lãi 5.210.264đ) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tính đến ngày 30/9/2024 là 62.592.799đ (trong đó nợ gốc là 57.382.535đ, lãi 5.210.264đ) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng.

Ông P, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A thực hiện nghĩa vụ trả nợ thanh toán tiền nợ gốc và lãi tại các hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định Ngân hàng TMCP C là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A là bị đơn. Căn cứ khoản 3, 14, 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu nợ gốc: Ngân hàng TMCP C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay tính đến ngày 30/9/2024 là 62.592.799đ (trong đó nợ gốc là 57.382.535đ, lãi 5.210.264đ) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053840 ngày 28/6/2022, hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053780 ngày 28/6/2022.

Căn cứ hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053840 ngày 28/6/2022, hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053780 ngày 28/6/2022 giữa Ngân hàng TMCP C với ông Nguyễn Văn P cùng vợ Nguyễn Thị Thúy A, nhận thấy: Ngày 28/6/2022, giữa Ngân hàng TMCP C với ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A có phát

sinh quan hệ tín dụng. Theo 02 hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A vay của Ngân hàng số tiền 65.000.000đ, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất 6%/năm, mục đích vay vốn phục vụ đời sống gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông P, bà A và được Công an phường Bửu Long cung cấp thông tin: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1992 và bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1986, có đăng ký thường trú tại địa chỉ 1/5B, tổ 24, khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên từ tháng 4 năm 2023 ông P, bà A không còn sinh sống tại địa chỉ 1/5B, tổ 24, khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mà đã chuyển về sinh sống tại địa chỉ tổ 4, ấp 5, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cữu, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông P, bà A tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cữu và được Công an xã Thạnh Phú cung cấp thông tin: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1992 và bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1986 không có đăng ký thường trú, tạm trú và không sinh sống tại đỉa chỉ tổ 4, ấp 5, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cữu, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, thông báo về việc giải quyết vụ án đối với ông P, bà A trên Đài Tiếng nói Việt Nam – Cơ quan thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh phát sóng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, đăng thông báo tại Báo pháp luật Việt Nam 03 ngày liên tiếp và đăng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đồng thời nhiều lần niêm yết triệu tập ông P, bà A đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P, bà A vắng mặt không có lý do, không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy xem như ông P, bà A đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 3.01 Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053840 ngày 28/6/2022 giữa Ngân hàng TMCP C với ông Nguyễn Văn P thể hiện: Định kỳ, ngày 25 hàng tháng bên vay phải thanh toán lãi đến hạn và nợ gốc thấu chi… Điều 3.01 Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053780 ngày 28/6/2022 giữa Ngân hàng TMCP C với bà Nguyễn Thị Thúy A thể hiện: Định kỳ, ngày 10 hàng tháng bên vay phải thanh toán lãi đến hạn và nợ gốc thấu chi…

Xét thấy, Ngân hàng đã yêu cầu ông P, bà A thanh toán nợ nhưng ông P, bà A không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên và theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A phải thanh toán số nợ gốc 30.219.183đ tại Hợp đồng cho

vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053840 ngày 28/6/2022 và số nợ gốc 27.163.352đ tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053780 ngày 28/6/2022 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi:

Tại điểm 2.01(a) hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn ngày 28/6/2022 các bên thỏa thuận: Lãi suất Thấu chi trong hạn tại thời điểm ký kết hợp đồng này là 6%/năm tương đương 6/365%/ngày và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh trong khoản thời gian từ thời điểm ký hợp đồng đến kỳ điều chỉnh lãi suất tiếp theo của Bên Cho Vay, lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại điểm 2.01(a) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất*. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*. Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện. Sau khi ký hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn ngày 28/6/2022, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền lãi tính đến ngày 30/9/2024 là 2.345.975đ tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053840 ngày 28/6/2022 và 2.864.289đ tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053780 ngày 28/6/2022, tổng cộng 5.210.264đ và tiếp tục trả khoãn lãi, phí phát sinh từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) tiền chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng. Do

nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí tố tụng, nên buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.129.640đ (62.592.799đ x 5%). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 180, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 299, 320, 324, 357 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền tính đến ngày 30/9/2024 là 62.592.799đ (sáu mươi hai triệu năm trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc là 57.382.535đ, lãi 5.210.264đ. Cụ thể:

+ Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053840 ngày 28/6/2022, số tiền 32.565.158đ (trong đó nợ gốc là 30.219.183đ, nợ lãi 2.345.975đ).

+ Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn số OD20220000053780 ngày 28/6/2022, số tiền 30.027.641đ (trong đó nợ gốc là 27.163.352đ, nợ lãi 2.864.289đ).

Kể từ ngày 01/10/2024, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 3.129.640đ (Ba triệu một trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 1.519.749đ (một triệu năm trăm mười chín ngàn bảy trăm bốn mươi chín đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08447 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tp Biên Hòa;
- Chi cục THADS tp. Biên Hòa
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Thanh Thủy